

QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội”

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1121/QĐ-BGH ngày 28 tháng 02 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội)*

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ, khai thác và quản lý tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (HUBT).

Điều 2. Mục tiêu quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ

Quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội nhằm khuyến khích hoạt động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ tài sản trí tuệ của trường; của các đơn vị, tổ chức, tập thể, cá nhân hoạt động, làm việc, học tập tại trường.

Điều 3. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị, tổ chức và cá nhân thuộc Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

2. Các tổ chức và cá nhân ngoài trường có hợp tác với Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội trong việc tạo ra hoặc khai thác tài sản trí tuệ thuộc quyền sở hữu của trường.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. *Quyền sở hữu trí tuệ* là các quyền được quy định tại Điều 1 của Luật Sở hữu trí tuệ (SHTT), bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng.

2. *Tài sản trí tuệ* (TSTT) được quy định tại Điều 3 của Luật SHTT, bao gồm:

- Tác phẩm văn hóa, nghệ thuật, khoa học; cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình đã được mã hóa;
- Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý;
- Giống cây trồng và vật liệu nhân giống.

TSTT trong Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội gồm:

- Giáo trình, tài liệu học tập (đặc biệt các tài liệu học tập cho các lớp cao học, nghiên cứu sinh);
- Các ấn phẩm khoa học;
- Các công trình NCKH (đã được nghiệm thu);
- Các công trình khoa học đã được công bố;
- Các chương trình máy tính, các cơ sở dữ liệu;

- Các thiết kế kỹ thuật, mỹ thuật, bản vẽ, thiết kế mỹ thuật công nghiệp,...;
- Các giải pháp hữu ích, các ý tưởng có khả năng tạo ra sản phẩm có giá trị;
- Các bài thi quốc gia và quốc tế,...

3. *Tổ chức thuộc Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội* là tất cả các đơn vị, tổ chức do trường thành lập, quản lý.

4. *Cá nhân thuộc Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội* là các cá nhân ký kết hợp đồng lao động với trường; các sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh đang học tập công tác tại trường.

Chương II

XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 5. Chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ

1. Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội là chủ sở hữu các quyền SHTT về những TSTT do các tổ chức, cá nhân thuộc trường sáng tạo ra từ một trong các yếu tố sau:

- Kinh phí của trường hoặc sử dụng ngân sách Nhà nước hoặc hợp tác (bao gồm hợp tác quốc tế) thông qua trường;
- Sử dụng thời gian làm việc hành chính, cơ sở vật chất của trường;
- Trường giao nhiệm vụ thực hiện;
- Trường ký hợp đồng để tạo ra sản phẩm.

2. Trường là chủ sở hữu quyền SHTT đối với TSTT được tạo ra trong quá trình làm việc theo hợp đồng với cộng tác viên, giảng viên thỉnh giảng (trừ trường hợp có thỏa thuận khác).

3. Trường là chủ sở hữu các nhãn hiệu của các tổ chức quy định tại Điều 3 của Quy định này.

4. Trường là tổ chức đại diện nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý từ Nhà nước, nếu sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được sản xuất trong phạm vi lãnh thổ mà trường được giao đất.

5. Trường là đồng sở hữu quyền SHTT với tổ chức, cá nhân khác trong trường hợp có thỏa thuận cụ thể.

Điều 6. Quyền của tác giả trực tiếp sáng tạo ra tài sản trí tuệ

Quyền của tác giả trực tiếp sáng tạo ra TSTT bao gồm quyền nhân thân và quyền được trả thù lao.

Quyền nhân thân được quy định tại khoản 1, 2, 4 Điều 19, khoản 2 Điều 122, khoản 1 Điều 185 của Luật SHTT.

Thù lao cho tác giả được quy định tại Điều 10 của Quy định này.

Điều 7. Nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ và tên sản phẩm của trường

Nhãn hiệu hàng hóa, dịch vụ bắt buộc phải có các thành phần:

- Logo của trường thiết kế đúng chuẩn logo về các đường viền, màu sắc và nội dung trên logo;
- Phần nội dung nhãn hiệu:
 - + Tên viết tắt tiếng Anh của trường/dấu cách/tên sản phẩm hoặc dịch vụ.
 - + Hình họa hoặc ký hiệu cho loại sản phẩm.
 - + Tên viết tắt của đơn vị tạo ra sản phẩm.
 - + Màu nền, màu chữ, kiểu chữ tùy tác giả sản phẩm chọn.

Điều 8. Chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ

1. Chuyển nhượng quyền SHTT là việc trường chuyển giao quyền sở hữu đối với các quyền đã nêu tại Điều 5 Quy định này cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Khi chuyển nhượng quyền tác giả hoặc quyền sử dụng quyền tác giả, trường cùng tác giả thương thảo với bên nhận chuyển nhượng nội dung, phương pháp, phạm vi và giá cả.

Tác giả sản phẩm không được tự ý chuyển nhượng khi chưa được trường đồng ý bằng văn bản, hoặc không có đại diện của trường thương thảo với bên nhận chuyển nhượng.

3. Trường chuyển nhượng quyền SHTT theo hình thức độc quyền hoặc không độc quyền.

Chương III**KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN SẢN PHẨM TRÍ TUỆ****Điều 9. Khai thác và sử dụng sản phẩm trí tuệ của trường**

Trường cùng với tác giả tìm các biện pháp để khai thác sử dụng hiệu quả sản phẩm trí tuệ. Trường phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để tác giả có thể triển khai ứng dụng hoặc thương mại hóa các sản phẩm trí tuệ.

Điều 10. Phân chia lợi nhuận sản phẩm trí tuệ của trường

Tùy từng loại sản phẩm trí tuệ khi được thương mại hóa, sau khi trừ đi các chi phí cần thiết, hợp lệ, lợi nhuận được phân bổ như sau:

1. Sản phẩm của đề tài, dự án sử dụng ngân sách Nhà nước, sau khi được nghiệm thu và được bán:

- 40% nộp ngân sách Nhà nước theo quy định hiện hành;
- 30% nộp quỹ khoa học công nghệ của trường;
- 30% dùng để khen thưởng tập thể tác giả trực tiếp thực hiện đề tài, dự án. Tổng mức khen thưởng không vượt quá 50 triệu đồng/1 đề tài, dự án. Phần vượt trên 50 triệu đồng được trích vào quỹ phúc lợi của đơn vị.

2. Các sản phẩm đề tài khoa học công nghệ có khả năng ứng dụng vào sản xuất tại các địa phương, doanh nghiệp (được thực hiện dưới hình thức chuyển giao công nghệ hoặc chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật):

- Tác giả 40%;
- Đơn vị chủ trì 20%;
- Quỹ khoa học công nghệ của trường 40%.

3. Các sản phẩm trí tuệ thuộc nhóm đối tượng sở hữu công nghiệp như Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bản quyền tác giả, Nhãn hiệu hàng hóa, Kiểu dáng công nghiệp, Bảo hộ giống cây trồng:

- Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng dưới 100 triệu đồng:
 - + Tác giả 60%,
 - + Đơn vị chủ trì 15%,
 - + Quỹ khoa học công nghệ của Trường 25%.
- Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng từ 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng:
 - + Tác giả 55%.
 - + Đơn vị chủ trì 15%.
 - + Quỹ khoa học công nghệ của trường 30%.

- Sản phẩm có giá trị chuyển nhượng trên 1 tỷ đồng:
- + Tác giả 50%.
- + Đơn vị chủ trì 15%.
- + Quỹ khoa học công nghệ của Trường 35%.
- 4. Các trường hợp phát sinh sẽ tùy theo thỏa thuận giữa các bên.

Chương IV

QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Điều 11. Trách nhiệm quản lý tài sản trí tuệ của trường

1. Tổ chức được trường thành lập và giao quyền quản lý, khai thác TSTT của trường.
2. Các cá nhân được trường giao nhiệm vụ quản lý TSTT của trường.

Điều 12. Trách nhiệm quản lý và khai thác tài sản trí tuệ của trường

Các tổ chức của trường có trách nhiệm:

1. Đánh giá các sáng chế của trường.
2. Thực hiện tra cứu sơ bộ các cơ sở dữ liệu sáng chế.
3. Quyết định nộp đơn và thực hiện nộp đơn đăng ký văn bằng bảo hộ.
4. Quyết định việc tiếp tục duy trì hiệu lực của các văn bằng bảo hộ.
5. Triển khai thông tin để kêu gọi các cá nhân, tổ chức tham gia khai thác TSTT của trường.

6. Đàm phán các hợp đồng chuyển giao quyền SHTT.

7. Kiểm soát và phân phối thu nhập.

Điều 13. Quy trình và thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ

Trường và tác giả phải nộp phí, lệ phí khi tiến hành các thủ tục liên quan đến quyền SHTT theo quy định của Luật SHTT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Quy trình và thủ tục đăng ký cấp văn bằng bảo hộ SHTT của trường:

1. Tác giả khai đơn theo mẫu, hướng dẫn của Phòng KH&ĐBCL.
2. Nộp đơn tại Phòng KH&ĐBCL và lệ phí tại Phòng Tài chính - Kế toán.
3. Phòng KH&ĐBCL/tác giả nộp đơn và lệ phí tại Cục SHTT hoặc Cục Bản quyền tác giả.

4. Nếu đơn phải chỉnh sửa, Phòng KH&ĐBCL/tác giả phải sửa trong thời gian 15 ngày kể từ ngày có công văn yêu cầu của Cục SHTT hoặc Cục Bản quyền tác giả.

5. Khi có thông báo kết quả (công nhận hoặc không), Phòng Khoa học và ĐBCL có trách nhiệm gửi ngay thông báo cho tác giả.

6. Khi có Bằng chứng nhận, Phòng KH&ĐBCL lưu bản chính, gửi tác giả bản sao.

Điều 14. Trách nhiệm quản lý sản phẩm sở hữu trí tuệ của trường

1. Trường và tác giả có quyền áp dụng các biện pháp mà pháp luật cho phép để tự bảo vệ quyền SHTT của mình và có trách nhiệm tôn trọng quyền SHTT của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật SHTT và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Nội dung quản lý nhà nước về SHTT của trường:

Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội giao cho Phòng KH&ĐBCL chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong trường thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách và kế hoạch phát triển các sản phẩm trí tuệ;

GIỚI THIỆU VĂN BẢN

- Xây dựng, sửa đổi, trình Ban Giám hiệu ban hành và tổ chức thực hiện Quy định về SHTT của trường; thực hiện các văn bản pháp luật về SHTT của Nhà nước;
- Tổ chức bộ phận quản lý về SHTT; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về SHTT;
- Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp, Bằng bảo hộ giống cây trồng của trường;
- Xúc tiến quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng li-xăng các sản phẩm trí tuệ;
- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về SHTT; phối hợp với Ban Thanh tra - Pháp chế giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về SHTT;
- Tổ chức hoạt động thông tin, thống kê về SHTT;
- Giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về SHTT;
- Hợp tác quốc tế về SHTT;
- Hằng năm dự toán kinh phí SHTT, bao gồm phí đăng ký các loại văn bằng bảo hộ, phí duy trì hiệu lực các loại văn bằng bảo hộ và các loại phí về SHTT khác.

3. Trách nhiệm quản lý SHTT của các đơn vị:

- Tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất và thời gian cho cán bộ, giảng viên, lao động hợp đồng và người học nghiên cứu, sáng tạo ra sản phẩm trí tuệ;
- Triển khai thực hiện các văn bản quản lý về SHTT của Nhà nước và của trường, báo cáo Ban Giám hiệu kết quả hoạt động sáng tạo sản phẩm trí tuệ thông qua Phòng KH&ĐBCL;

- Kiểm tra, đôn đốc tác giả có sản phẩm trí tuệ thực hiện nghĩa vụ với trường.

4. Trách nhiệm của tác giả có sản phẩm trí tuệ:

- Thực hiện đầy đủ các quy định, chính sách về SHTT của Nhà nước và của trường; thực hiện đầy đủ các cam kết, thỏa thuận với trường;
- Tham gia với trường quảng bá sản phẩm trí tuệ ra thị trường; thương thảo và ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng li-xăng sản phẩm trí tuệ;
- Đề nghị trường xử lý và giải quyết các mâu thuẫn về quyền lợi quyền tác giả.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, quy định có thể được xem xét và sửa đổi cho phù hợp với thực tế.

2. Lãnh đạo các tổ chức quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này, các tổ chức và cá nhân hợp tác với trường trong việc tạo ra hoặc khai thác các tài sản trí tuệ chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

HIỆU TRƯỞNG



GS.Trần Phương